



**TẤM ỐP
SỢI
THAN TRE**

CẤU TẠO

Structure

LỚP PHIM PVC

Lớp phim PVC/PETG/METAL thương hạng với hơn 100 màu sắc & chất liệu cơ bản, cùng hàng ngàn mẫu phim có thể lựa chọn.

LỚP KEO PUR

Chỉ sử dụng keo PUR chất lượng cao, ít độc hại, thân thiện với sức khỏe và có độ bám dính tuyệt vời.

LỚP CỐT SỢI THAN TRE

Cấu tạo từ bột tre cùng hạt nhựa nguyên sinh. Có độ bền cao, chịu nước tuyệt đối, chống chịu lực tốt.

LỚP MÀNG BẢO VỆ

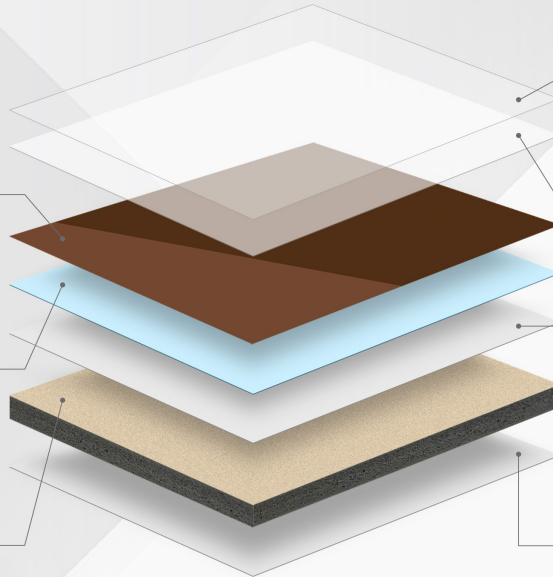
Lớp màng bảo vệ phía trên cùng, tăng cường khả năng bảo vệ cho lớp phim PVC phía dưới.

LỚP CHỐNG XƯỚC

Lớp chống xước được thêm vào để hạn chế trầy xước lớp phim PVC gây giảm tính thẩm mỹ.

LỚP NHỰA WPVC CAO CẤP

Lớp WPVC gia tăng độ cứng, nhân mịn, độ bám dính keo tốt.

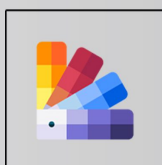


QUY CÁCH TẮM

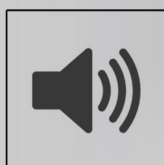
Rộng	Dài	Dày
1220mm	2400mm 2800mm 3000mm	8mm

ƯU ĐIỂM

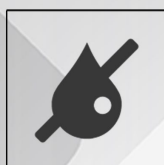
Advantage



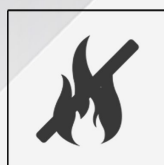
**MÀU MÀ ĐA
DẠNG**



CÁCH ÂM TỐT



CHIU NƯỚC



**CHỐNG CHÁY
LAN**



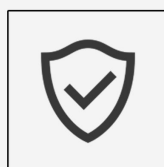
**CÔNG NGHỆ
DẪN PUR**



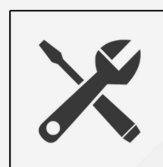
**CHỐNG MỐI
MỘT**



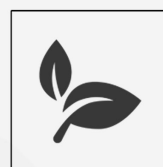
**HẠN CHẾ
CÔNG VỆNH
BONG TRÓC**



**AN TOÀN VỚI
SỨC KHỎE**



**THI CÔNG
BẢO TRÌ DỄ
DẰNG**

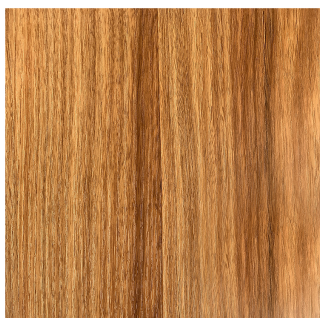


**THÂN THIỆN
VỚI MÔI
TRƯỜNG**



STANDARD

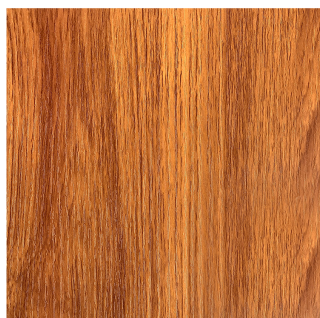
- wood grain
- fabric
- natural stone grain



F002 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)



F003 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)



F005 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

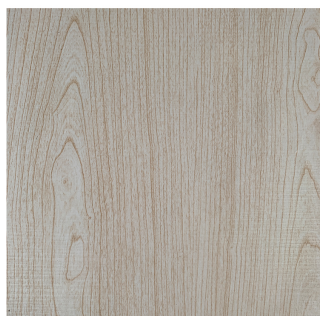
273.240đ/m²
(giảm >24%)



F006 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

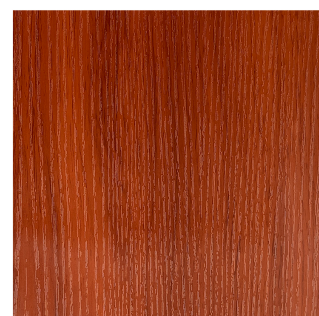
273.240đ/m²
(giảm >24%)



F007 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

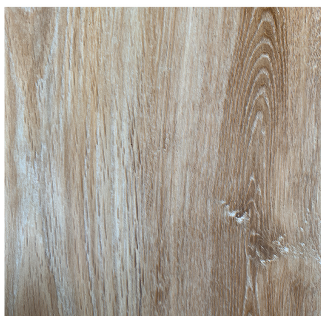
273.240đ/m²
(giảm >24%)



F008 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

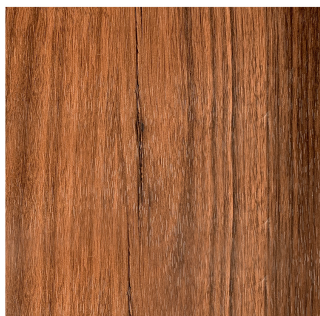
273.240đ/m²
(giảm >24%)



F009 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

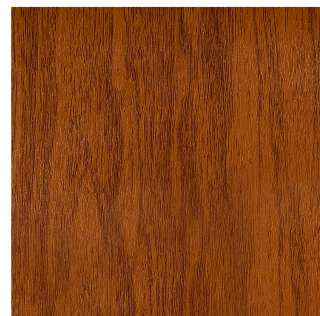
273.240đ/m²
(giảm >24%)



F010 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)



F011 Vân gỗ

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)

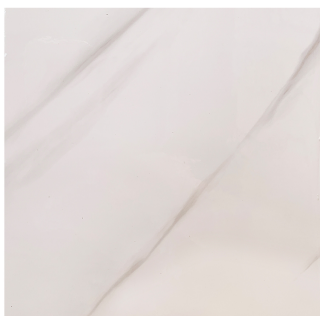


F004 Vân vải

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)





F12 Vân đá

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)



F13 Vân đá

~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)



F14 Vân đá

~~359.526đ/m²~~

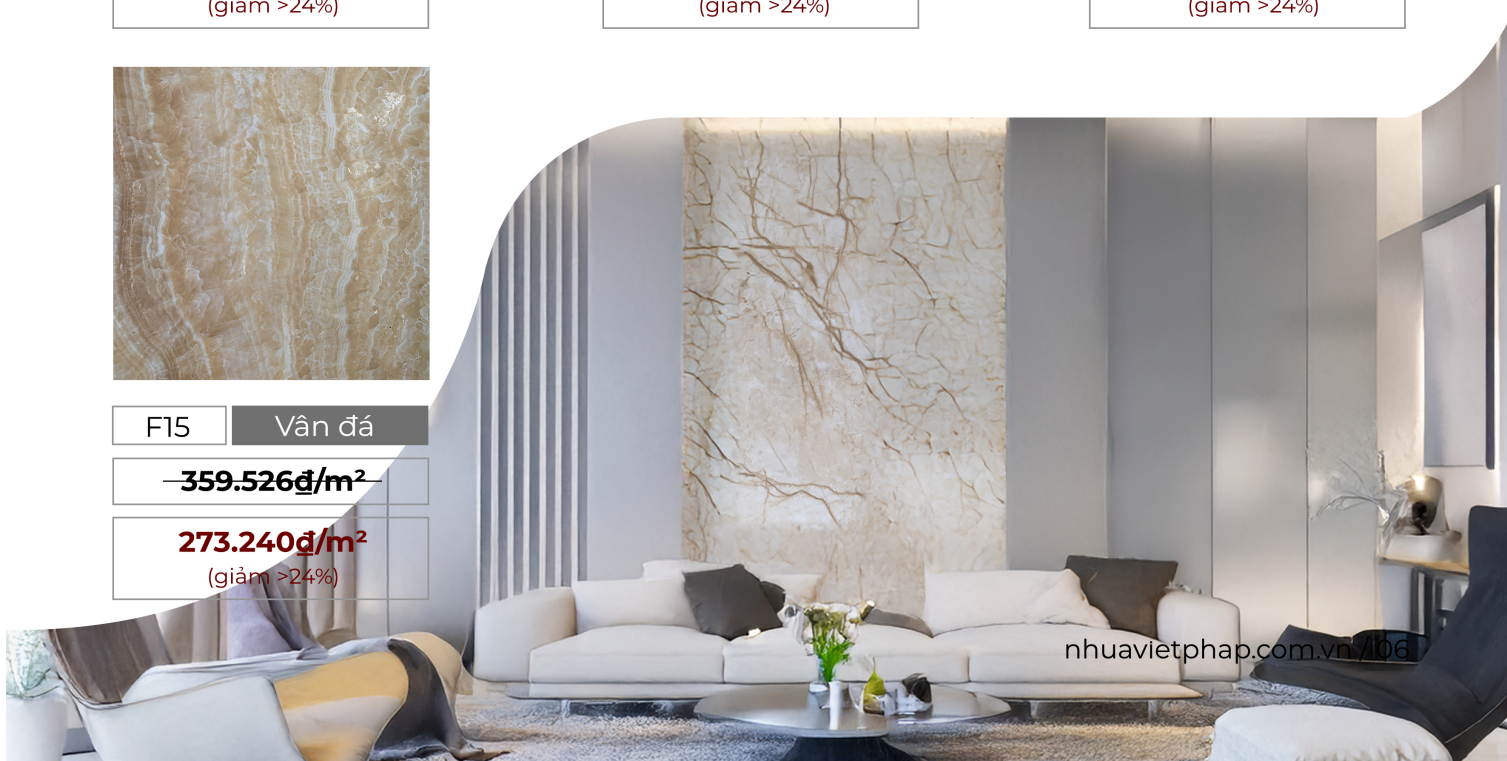
273.240đ/m²
(giảm >24%)



F15 Vân đá

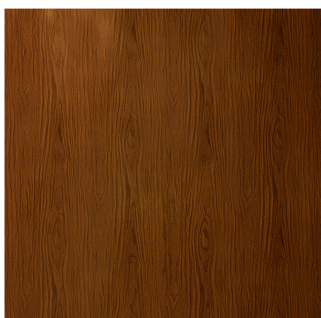
~~359.526đ/m²~~

273.240đ/m²
(giảm >24%)



PREMIUM

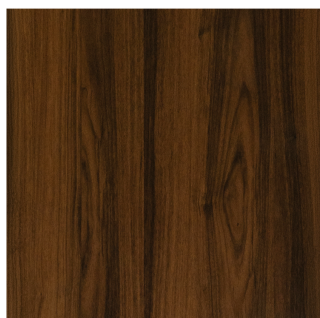
- wood grain
- solid
- carbon



F10 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)



F11 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

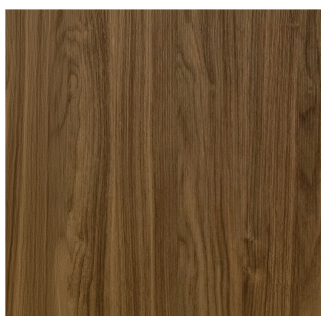
285.120đ/m²
(giảm >28%)



F17 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

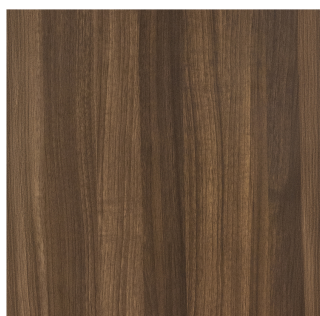
285.120đ/m²
(giảm >28%)



F19 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)



F20 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

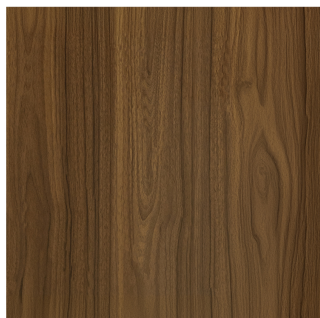
285.120đ/m²
(giảm >28%)



PH21 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)

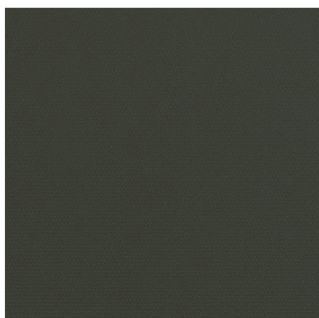


PH22 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)





FP01 Carbon

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP02 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP03 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

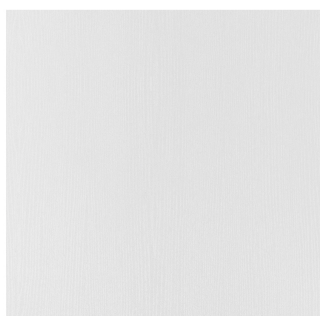
285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP04 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP05 Vân gỗ

~~396.000đ/m²~~

285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP06 Đơn sắc
~~396.000đ/m²~~
285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP07 Đơn sắc
~~396.000đ/m²~~
285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP08 Đơn sắc
~~396.000đ/m²~~
285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP09 Đơn sắc
~~396.000đ/m²~~
285.120đ/m²
(giảm >28%)



FP10 Đơn sắc
~~396.000đ/m²~~
285.120đ/m²
(giảm >28%)





PETG

- wood grain
- natural stone grain
- solid
- metal



T8.V1 Vân gỗ

~~695.829đ/m²~~

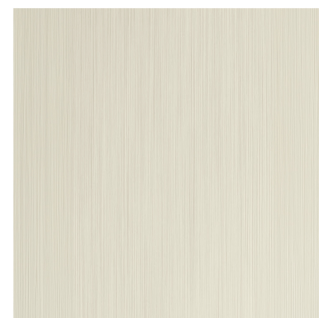
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.V2 Vân gỗ

~~695.829đ/m²~~

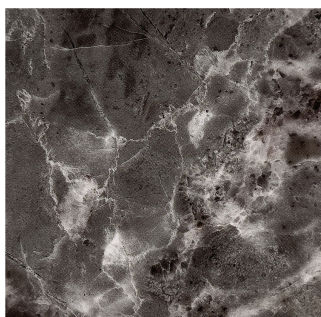
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.S1 Kim loại

~~695.829đ/m²~~

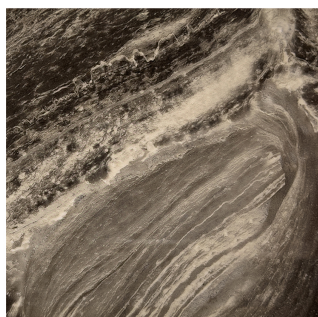
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.D1 Vân đá

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.D2 Vân đá

~~695.829đ/m²~~

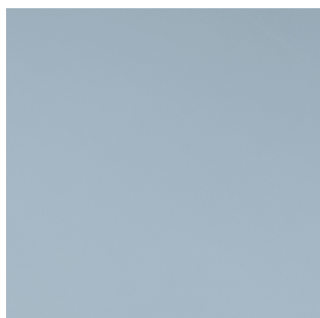
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.L1 Đơn sắc

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.L2 Đơn sắc

~~695.829đ/m²~~

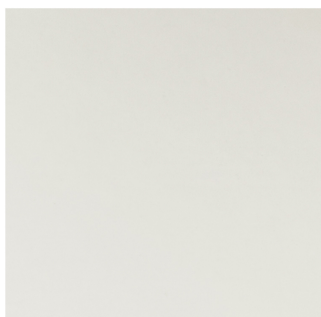
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.L3 Đơn sắc

~~695.829đ/m²~~

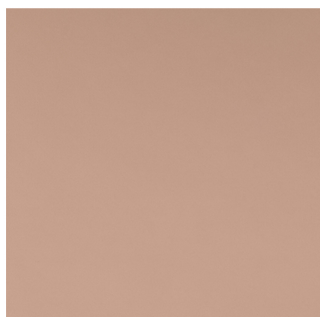
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.L4 Đơn sắc

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.L5 Đơn sắc

~~695.829đ/m²~~

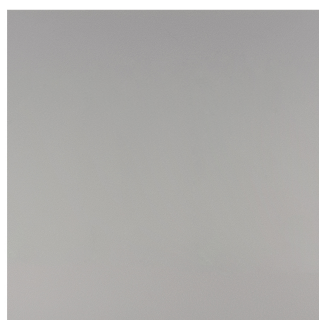
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.N1 Đơn sắc (nhũ)

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.N2 Đơn sắc (nhũ)

~~695.829đ/m²~~

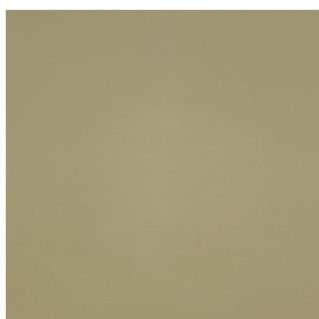
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.N3 Đơn sắc (nhũ)

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.N4 Đơn sắc (nhũ)

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.N5 Đơn sắc (nhũ)

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.N6 Đơn sắc (nhũ)

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



ESPECIALLY

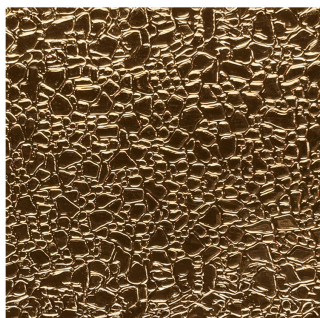
- silver wave
- leather



T8.B1 Vân da

~~695.829đ/m²~~

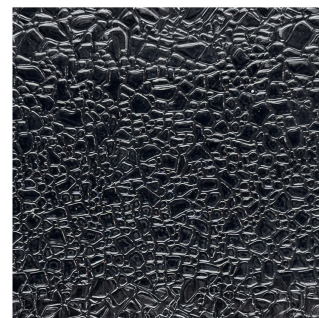
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.B2 Vân da

~~695.829đ/m²~~

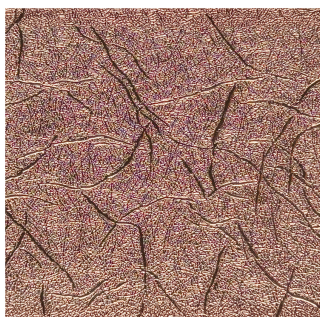
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.B3 Vân da

~~695.829đ/m²~~

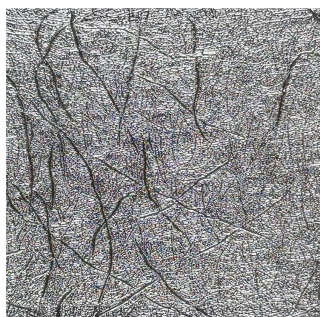
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.B4 Vân sóng

~~695.829đ/m²~~

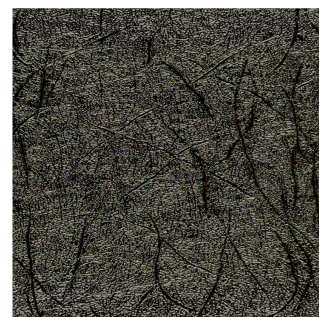
487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.B5 Vân sóng

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.B6 Vân sóng

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



MIRROR



T8.G2 **Gương**

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)



T8.G1 **Gương**

~~695.829đ/m²~~

487.080đ/m²
(giảm >30%)





TẮM ỒP
NỘI THẤT

BÁO GIÁ TẤM NỘI THẤT 17 MM

I. BÁO GIÁ TẤM NỘI THẤT KHÔNG PHỦ FILM

STT	TÊN SẢN PHẨM	MÃ	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Tấm nội thất 17mm không phủ film	N17.KP	m2	493.560
2	Tấm nội thất 17mm không phủ film	N17.KP	tấm	1.470.808

II. BÁO GIÁ TẤM NỘI THẤT PHỦ PHIM

STT	TÊN SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	PHỦ FILM 1 MẶT (1M)		PHỦ FILM 2 MẶT (2M)		Ghi chú
			Giá m2	Giá tấm	Giá m2	Giá tấm	
3	Tấm nội thất phủ film STANDARD	N17.F002.1M	563.544	1.679.361	633.528	1.887.913	F002 đến F015
4	Tấm nội thất phủ film LUXURY	N17.F10.1M	586.872	1.748.879	680.184	2.026.948	F10, F11, F17, F18, F19, F20, PH21, PH22
5	Tấm nội thất phủ film PREMIUM	N17.FP01.1M	604.368	1.801.017	715.176	2.131.224	FP01 đến FP10
6	Tấm nội thất phủ film SIGNATURE	N17.N1.1M	633.528	1.887.913	773.496	2.305.018	Các màu PET

GHI CHÚ:

- Kích thước tiêu chuẩn: 1220 x 2440 x 17mm (~2.98 m²/tấm)
 - Quy ước mã film: 1M (phủ 1 mặt), 2M (phủ 2 mặt), KP (không phủ)
 - Giá đã bao gồm VAT 8%, chưa bao gồm chi phí vận chuyển
- Quý khách cần sản xuất theo kích thước yêu cầu, vui lòng liên hệ để được tư vấn chi tiết!



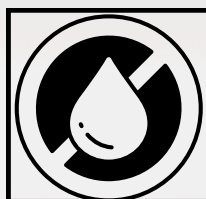
ƯU ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM



Cách âm tốt



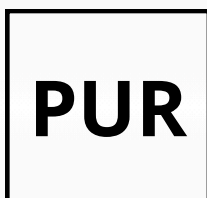
Chống
cháy lan



Chịu nước



Mẫu mã
đa dạng



Công nghệ
dán PUR



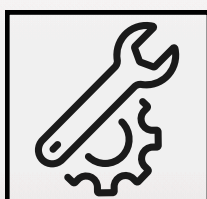
Chống
mối mọt



An toàn với
sức khỏe



An toàn với
sức khỏe



Thi công bảo
trì dễ dàng



Hạn chế
công vênh

STANDARD

- wood grain
- fabric
- natural stone grain





F002 Vân gỗ



F003 Vân gỗ



F005 Vân gỗ



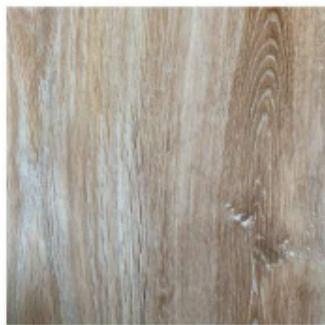
F006 Vân gỗ



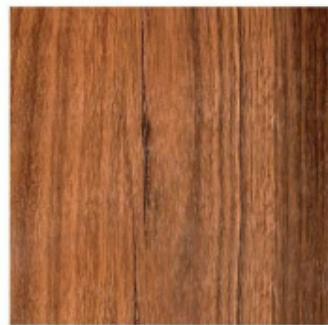
F007 Vân gỗ



F008 Vân gỗ



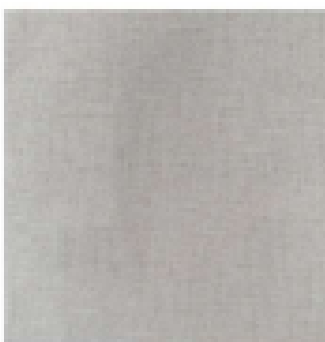
F009 Vân gỗ



F010 Vân gỗ



F011 Vân gỗ



F004 Vân vải



F12 Van đá



F13 Van đá



F14 Van đá

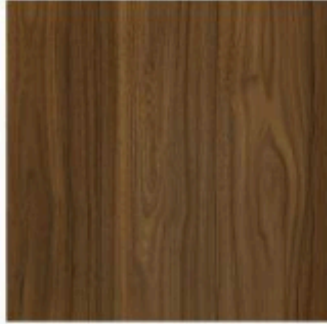


F15 Van đá





PH21 Văn gỗ



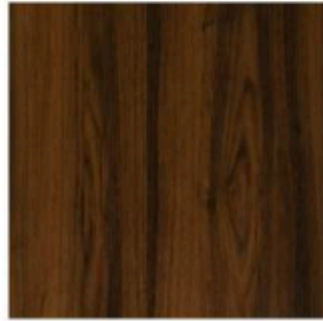
PH22 Văn gỗ





F10

Vân gỗ



F11

Vân gỗ



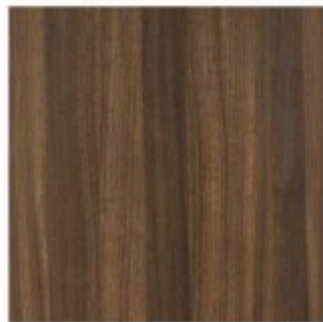
F17

Vân gỗ



F19

Vân gỗ



F20

Vân gỗ

PREMIUM

- wood grain
- solid
- carbon





FP01

Vân gỗ



FP02

Vân gỗ



FP03

Vân gỗ



FP04

Vân gỗ



FP09

Đơn sắc



FP10

Đơn sắc

PETG

- wood grain
- natural stone grain
- solid
- metal



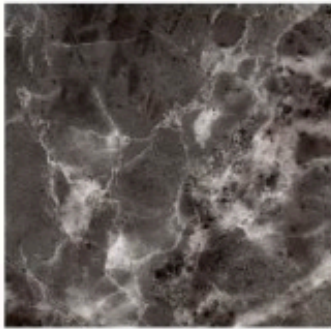
T8.V1 Vân gỗ



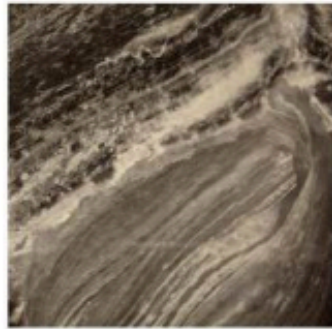
T8.V2 Vân gỗ



T8.S1 Kim loại



T8.D1 Vân đá



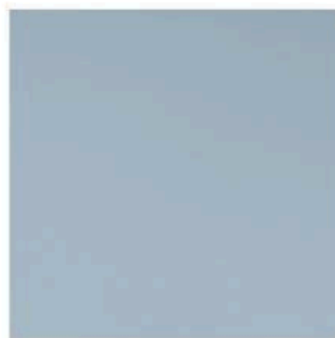
T8.D2 Vân đá



T8.L5 Đơn sắc



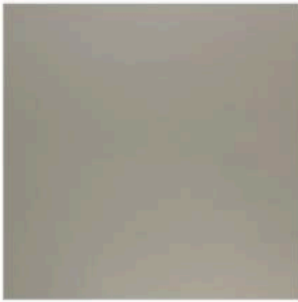
T8.L1 Đơn sắc



T8.L2 Đơn sắc



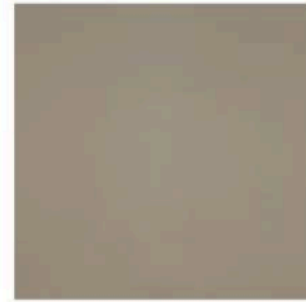
T8.L3 Đơn sắc



T8.N1 Đơn sắc (nhũ)



T8.N2 Đơn sắc (nhũ)



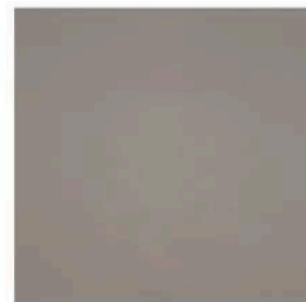
T8.N3 Đơn sắc (nhũ)



T8.N4 Đơn sắc (nhũ)



T8.N5 Đơn sắc (nhũ)



T8.N6 Đơn sắc (nhũ)



T8.B1 Vân da



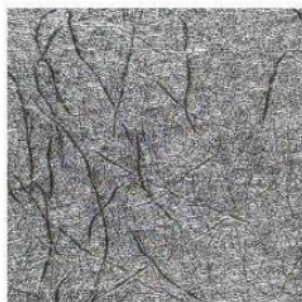
T8.B2 Vân da



T8.B3 Vân da



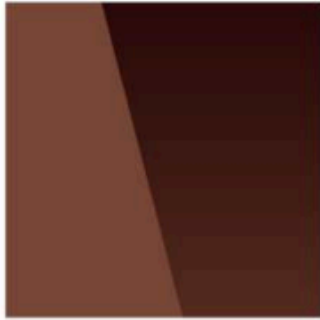
T8.B4 Vân da



T8.B5 Vân da



T8.B6 Vân da



T8.G2 Gương



T8.G1 Gương

